TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST
Ngày: 31/01/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự "góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thành Bê

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Hồng Nhung là thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2017/TLST - DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự "góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Bà **Phan Thị T**, sinh năm: 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 84, tổ 04, ấp VX, xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn**:** 1/ Ông **Nguyễn Ngọc Đ (Nguyễn Ngọc S, Ba S)**, sinh năm: 1964 (Có mặt)

2/ Bà **Dương Thị D**, sinh năm: 1966 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp VX, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/8/2017, 14/9/2017, 09/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Th trình bày:** Từ trước năm 2015, bà có tổ chức chơi hụi và bà làm chủ hụi tại địa phương với nhiều chị em trong xóm tham gia, trong đó có vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Đ (Ba S), bà Dương Thị D tham gia các phần hụi như sau:

1/ Dây hụi 02 triệu đồng/01 tháng/01 phần, khui hụi vào ngày 09/6/2015 âl và khui mỗi tháng 01 lần, dây hụi có 29 phần, ngày mãn hụi là ngày 09/9/2017 âl. Vợ chồng ông Đ, bà D tham gia 04 phần như sau:

- Phần thứ 1: Hốt hụi vào ngày 09/01/2016 (kêu 330.000 đồng) số tiền hốt hụi được 52.040.000 đồng.

- Phần thứ 2: Hốt hụi vào ngày 09/7/2016 (kêu 250.000 đồng) số tiền hốt hụi được 51.250.000 đồng.

- Phần thứ 3: Hốt hụi vào ngày 09/01/2017 (kêu 320.000 đồng) số tiền hốt hụi được 52.120.000 đồng.

- Phần thứ 4: Ông Đ, bà D chưa hốt hụi, số tiền hụi sống ông Đ, bà D đóng được 19 lần với số tiền là 38.000.000 đồng, số tiền này bà T vẫn còn giữ.

Sau khi hốt 03 phần hụi thì đến ngày 09/02/2017 ông Đ, bà D ngưng không đóng cả 04 phần hụi nói trên cho bà T. Do đó, phần thứ 4 bà T ngưng không cho ông Đ, bà D tham gia nữa.

Tính đến khi mãn dây hụi vào ngày 09/9/2017 âl, thì ông Đ, bà D còn nợ lại bà T 3 phần hụi chết (*2.000.000 đồng x 3 phần x 09 lần = 54.000.000 đồng*) và 01 phần hụi sống (*01 phần x 1.800.000 đồng x 01 lần = 1.800.000 đồng*). Tổng cộng số tiền hụi ông Đ, bà D còn nợ trong dây hụi này với số tiền là 55.800.000 đồng.

2/ Dây hụi 05 triệu đồng/01 tháng/01 phần, khui hụi vào ngày 06/11/2015 âl và khui mỗi tháng 01 lần, dây hụi có 24 phần, ngày mãn hụi là ngày 06/9/2017 âl. Vợ chồng ông Đ, bà D tham gia 02 phần và đã hốt hụi hết 02 phần như sau:

- Phần thứ 1: Hốt hụi vào ngày 06/6/2016 (kêu 800.000 đồng) số tiền hốt hụi được 99.700.000 đồng.

- Phần thứ 2: Hốt hụi vào ngày 06/8/2016 (kêu 800.000 đồng) số tiền hốt hụi được 103.800.000 đồng.

Sau khi hốt hết 02 phần hụi thì đến ngày 09/02/2017 ông Đ, bà D ngưng không đóng hụi chết cho bà T. Tính đến ngày mãn hụi là 06/9/2017âl thì ông Đ, bà D còn nợ lại bà T 08 lần (*02 phần x 5.000.000 đồng x 08 lần*) với số tiền là 80.000.000 đồng.

Tổng cộng, số tiền ông Đ, bà D còn nợ lại bà T 02 dây hụi (kể cả hụi chết và hụi sống) là 135.800.000 đồng.

Hiện nay, 02 dây hụi này đã mãn.

Trong buổi hòa giải ngày 06/11/2017, giữa bà T và vợ chồng ông Đ, bà D xác định số tiền hụi mà vợ chồng ông Đ, bà D còn nợ lại đến thời điểm mãn hụi của 02 dây hụi là 135.800.000 đồng và xác định bà T còn đang giữ số tiền của 01 phần hụi sống là 38.000.000 đồng. Bà T và ông Đ, bà D thống nhất cấn trừ số tiền hụi sống là 38.000.000 đồng mà bà T còn giữ trừ vào số tiền 135.800.000 đồng mà ông Đ, bà D nợ. Ông Đ và bà D chỉ còn nợ lại bà T số tiền hụi là 97.800.000 đồng.

Trong 05 lần bà T giao tiền hốt hụi cho ông Đ, bà D thì có 01 lần con trai ông bà là anh Nguyễn Văn T ký nhận. Do hụi này đã mãn và bà T đã bỏ tiền ra để

tràn hụi cho ông Đ, bà D quá lâu nên bà T yêu cầu ông Nguyễn Ngọc Đ (Ba S) và bà Dương Thị D trả cho bà T 01 lần trong thời gian là 03 tháng kể từ ngày 18/12/2017.

Ngoài ra, do ông Đ và bà D trực tiếp tham gia chơi hụi nên anh T (*con trai ông Đ*) ký nhận là nhận tiền dùm ông Đ và bà D, anh T không trực tiếp tham gia gì trong quá trình chơi hụi nên bà T xác nhận anh Nguyễn Văn T không liên quan gì và bà T cũng không yêu cầu gì đối với anh T trong vụ kiện này.

*** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 26/10/2017, biên bản hòa giải ngày 06/11/2017, ngày 18/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Ngọc Đ (Ba S) và bà Dương Thị D trình bày:** Từ năm 2013, ông bà đã tham gia chơi hụi do bà Phan Thị T làm chủ, không quá trình tham gia hụi, giữa ông bà và bà T không có xảy ra mâu thuẫn gì, các phần hụi ông bà tham gia thì ông bà vẫn đóng hụi chết đầy đủ, không để trì trệ kéo dài.

Sau khi các dây hụi trước kia mãn, thì trong năm 2015 ông Đ, bà D có tham gia góp 02 dây hụi do bà T làm chủ đúng như bà T trình bày.

Nhưng lý do mà ông bà không tiếp tục đóng hụi cho bà T là do ông bà đã đóng hụi cho bà T đến tháng 01/2017 âl và còn một phần hụi sống nên ông bà có nói với bà T là cho ông bà hốt hụi vào ngày 09/3/2017 âl nhưng bà T không đồng ý cho hốt. Vì vậy, ông bà không có vốn làm ăn nên không có tiền đóng hụi cho bà T.

Ông Đ và bà D xác nhận, tổng số tiền hụi mà ông bà còn nợ bà T từ tháng 3/2017 đến tháng 9/2017 của 02 dây hụi tổng cộng là 135.800.000 đồng. Hiện nay, 02 dây hụi này đã mãn.

Sau đó, giữa ông bà và bà T có tính toán và đã tự cấn trừ số tiền hụi sống ông bà chưa hốt là 38.000.000 đồng. Như vậy, sau khi khấu trừ thì ông bà còn nợ bà T số tiền là 97.800.000 đồng *(Chín mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng)*.

Nay ông bà thừa nhận và đồng ý trả cho bà T số tiền hụi còn thiếu là 97.800.000 đồng *(Chín mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng)*, nhưng do hoàn cảnh gia đình hiện nay khó khăn nên xin hẹn trả cho bà T mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 97.800.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn T (là con trai ông Đ, bà D) có ký nhận dùm ông bà số tiền hụi mà bà T giao là không liên quan gì vì lúc bà T giao tiền ông bà không có nhà nên kêu T nhận dùm và cũng không trực tiếp tham gia chơi hụi.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Phan Thị T yêu cầu ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Dương Thị D trả cho bà 01 lần số tiền 97.800.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu tám trăm nghìn*

đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà T xác nhận anh Nguyễn Văn T (con trai ông Đ, bà D) không liên quan gì đến số tiền hụi này. Bà T khẳng định, ngoài số tiền nợ hụi 38.000.000 đồng đã cấn trừ và số tiền ông Đ, bà D còn nợ lại là 97.800.000 đồng thì bà không còn giữ số tiền hụi nào của ông Đ, bà D.

Trong danh sách thành viên tham gia chơi 02 dây hụi thì bà T ghi các phần hụi của ông Đ có tên C, N, Y P. Bà T xác nhận, đó là tên các con của ông Đ, bà D ghi để biết chứ họ không có tham gia gì trong 02 dây hụi này.

- Ông Đ, bà D xác nhận và đồng ý trả cho bà T số tiền hụi còn lại sau khi cấn trừ là 97.800.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng*) nhưng do hoàn cảnh ông bà hiện nay khó khăn nên xin trả dần cho bà T mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 97.800.000 đồng.

Ông Đ, bà D khẳng định, ngoài số tiền 38.000.000 đồng bà T giữ đã được cấn trừ thì bà T không còn giữ của ông bà khoản tiền nào.

Ông bà xác nhận, con trai ông bà là Nguyễn Văn T không liên quan gì đến số tiền nợ hụi này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Dương Thị D (*có cùng nơi cư trú tại ấp VX, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang*) trả tiền hụi còn nợ là tranh chấp về hợp đồng dân sự "góp hụi" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Bà Phan Thị Th và ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Dương Thị D tham gia góp hụi xác lập hợp đồng bằng văn bản (*có danh sách thành viên tham gia hụi*), hụi có lãi, có hoa hồng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hụi, biêu, phường.

HĐXX xét thấy, trong năm 2015, bà Phan Thị T có làm chủ 02 dây hụi và vợ chồng ông Đ, bà D tham gia chơi hụi như sau:

- Dây hụi 02 triệu đồng/01 tháng/01 phần, khui hụi vào ngày 09/6/2015 âl và khui mỗi tháng 01 lần, dây hụi có 29 phần, ngày mãn hụi là ngày 09/9/2017 âl. Ông Đ, bà D tham gia 04 phần (đã hốt hết 03 phần và còn lại 01 phần hụi chưa hốt). Sau khi hốt 03 phần hụi thì đến ngày 09/02/2017 ông Đ, bà D ngưng không

đóng nữa. Tính đến ngày mãn hụi là ngày 09/9/2017 âl, thì ông Đ, bà D còn nợ lại bà T số tiền là 55.800.000 đồng.

Trong đó, bà T còn giữ 01 phần hụi sống của ông Đ, bà D với số tiền là 38.000.000 đồng.

- Dây hụi 05 triệu đồng/01 tháng/01 phần, khui hụi vào ngày 06/11/2015 âl và khui mỗi tháng 01 lần, dây hụi có 24 phần, ngày mãn hụi là ngày 06/9/2017 âl. Ông Đ, bà D tham gia 02 phần và đã hốt hụi hết 02 phần (đã hốt xong). Tính đến ngày mãn hụi là 06/9/2017âl thì ông Đ, bà D còn nợ lại bà T số tiền là 80.000.000 đồng.

Tổng cộng, số tiền ông Đ, bà D còn nợ lại tôi của 02 dây hụi (kể cả hụi chết và hụi sống) là 135.800.000 đồng. Sau khi, bà T và vợ chồng ông Đ, bà D tính toán và tự cấn trừ với nhau số tiền hụi chưa hốt mà bà T còn giữ là 38.000.000 đồng thì số tiền ông Đ, bà D còn nợ lại bà Thoa là 97.800.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T và ông Đ, bà D xác nhận 02 dây hụi hiện nay đã mãn và số tiền ông Đ, bà D còn nợ bà T sau khi cấn trừ là 97.800.000 đồng đến nay ông Đ, bà D vẫn chưa trả cho bà T.

2.1 HĐXX xét thấy, lời trình bày và yêu cầu của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp với nhau. Việc bà T có làm chủ 02 dây hụi và vợ chồng ông Đ, bà D có tham gia trong 02 dây hụi và số tiền ông Đ, bà D còn nợ lại sau khi cấn trừ được 02 bên xác nhận là 97.800.000 đồng. Nhưng đến nay ông Đ, bà D chưa trả cho bà T là có thật.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà D trả cho chị 01 lần số tiền 97.800.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng*) sau khi án có hiệu lực là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, ông Đ và bà D xác nhận, sau khi hốt 05 phần hụi thì ông bà muốn hốt tiếp phần hụi còn lại nhưng bà T không đồng ý, do đó ông bà không có vốn làm ăn nên không có tiền đóng hụi và hiện nay vẫn còn nợ chị T số tiền hụi chết của 02 dây hụi là 97.800.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng*).

2.2 Xét lời khai nại của bị đơn ông Đ và bà D, cho rằng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng ông bà xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng và trả cho đến khi hết số tiền 97.800.000 đồng. HĐXX xét thấy, 02 dây hụi mà bà T làm chủ đã mãn hụi từ tháng 9/2017 (âl) nhưng ông bà không góp hụi chết cho bà T và trong quá trình giải quyết, bà T yêu cầu ông bà trả số tiền 97.800.000 đồng trong thời gian 03 tháng kể từ ngày 18/12/2017 đến ngày 18/3/2018 nhưng ông bà không đồng ý là vi phạm nghĩa vụ góp hụi của hụi viên nên yêu cầu của

ông bà trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ là không có căn cứ chấp nhận.

Bởi vì, việc trả dần như yêu cầu của ông Đ, bà D là kéo dài thời gian làm thiệt thòi quyền lợi của bà T và tại phiên tòa bà T không đồng ý cho ông bà trả dần. Ngoài ra, Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó, cần buộc ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Dương Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị T số tiền 97.800.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với việc cấn trừ số tiền hụi sống 38.000.000 đồng là do các bên tự nguyện cấn trừ và ông Đ, bà D cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền này nên đây thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*: Buộc ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Dương Thị D phải chịu 5% án phí trên số tiền phải trả cho chị Th là 97.800.000 đồng x 5% = 4.890.000 đồng (*Bốn triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng*).

- Do yêu cầu của bà Phan Thị T được chấp nhận nên hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo 02 lai thu số 0000475 ngày 11/10/2017 (số tiền 1.600.000 đồng) và lai thu số 0008495 ngày 10/11/2017 (số tiền 845.000 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

[4] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 351 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 13, Điều 16, Điều 28 và Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Dương Thị D trả cho bà Phan Thị T số tiền hụi còn lại là 97.800.000đồng (*Chín mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Phan Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Ngọc Đvà bà Dương Thị D không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng ông Đ và bà D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí có giá ngạch:

- Buộc ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Dương Thị D phải chịu án phí là 4.890.000 đồng (*Bốn triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng*).

- Hoàn trả lại cho bà Phan Thị T số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo 02 lai thu số 0000475 ngày 11/10/2017 (số tiền 1.600.000 đồng) và lai thu số 0008495 ngày 10/11/2017 (số tiền 845.000 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. (Ngày 31/01/2018)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Cẩm Lình